

Số: ~~94~~ /QĐ-UBND

Sơn La, ngày ~~12~~ tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2022
của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 979/QĐ-BNV ngày 18/11/2020 của Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030”;

Căn cứ Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 21/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sơn La về đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 của UBND tỉnh ban hành Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1542/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh, ban hành quy định về tiêu chí và quy trình xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ (cơ quan Thường trực của Hội đồng đánh giá Chỉ số cải cách hành chính) tại Tờ trình số 41/TTr-SNV ngày 12/01/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (có báo cáo kèm theo).

Điều 2. Căn cứ Chỉ số cải cách hành chính năm 2022, các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố quán triệt, rút kinh nghiệm, có các giải pháp để đẩy

mạnh cải cách hành chính, cải thiện Chỉ số cải cách hành chính ở những năm tiếp theo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *§*

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Phòng Nội vụ các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, NC, Duyên (100b)

CHỦ TỊCH



Hoàng Quốc Khánh



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO

**Kết quả xác định chỉ số Cải cách hành chính năm 2022
của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố**
*(Kèm theo Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 12/01/2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)*

I. TỔNG QUAN VỀ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2022

1. Đối tượng đánh giá

- Các sở, ban, ngành (gồm 20 đơn vị gọi tắt là sở).
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (gồm 12 đơn vị gọi tắt là huyện).

2. Phương pháp xác định Chỉ số cải cách hành chính (CCHC)

- Tự đánh giá: các cơ quan, đơn vị tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong bộ Chỉ số CCHC (ban hành kèm theo Quyết định số 1542/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh) và hướng dẫn của Sở Nội vụ (kèm theo các tài liệu kiểm chứng).

- Tổ chức thẩm định: căn cứ điểm tự đánh giá của các cơ quan, đơn vị, kết quả theo dõi thực tế và tài liệu kiểm chứng, Chủ tịch UBND tỉnh giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh thẩm định.

- Đánh giá thông qua điều tra xã hội học: việc điều tra xã hội học được tiến hành khảo sát, lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng khác nhau.

- Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị được xác định: tổng hợp điểm đánh giá qua “**Điều tra XHH**” cộng điểm “**Tự đánh giá và thẩm định**”.

2.1. Thang điểm xác định chỉ số CCHC

Tổng điểm là 100 điểm, trong đó:

- Điểm tự đánh giá, thẩm định: 70/100 điểm.
- Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học: 30/100 điểm.

2.2. Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC của các sở, ngành:

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC của các sở, ngành được cấu trúc thành 8 lĩnh vực, 46 tiêu chí và 66 tiêu chí thành phần, cụ thể là:

- Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC: 08 tiêu chí và 7 tiêu chí thành phần;
- Cải cách thể chế: 06 tiêu chí và 11 tiêu chí thành phần;

- Cải cách thủ tục hành chính: 05 tiêu chí và 12 tiêu chí thành phần;
- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: 05 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần;
- Cải cách công vụ: 09 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần;
- Cải cách tài chính công: 07 tiêu chí và 03 tiêu chí thành phần;
- Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số: 05 tiêu chí và 13 tiêu chí thành phần;
- Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức: 01 tiêu chí.

2.3. Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp huyện

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp huyện, thành phố được cấu trúc thành 8 lĩnh vực, 49 tiêu chí và 83 tiêu chí thành phần, cụ thể là:

- + Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC: 08 tiêu chí và 7 tiêu chí thành phần;
- + Cải cách thể chế: 05 tiêu chí và 12 tiêu chí thành phần;
- + Cải cách thủ tục hành chính: 06 tiêu chí và 15 tiêu chí thành phần;
- + Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: 05 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần;
- + Cải cách công vụ: 10 tiêu chí và 14 tiêu chí thành phần;
- + Cải cách tài chính công: 08 tiêu chí và 03 tiêu chí thành phần;
- + Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số: 05 tiêu chí và 15 tiêu chí thành phần;
- Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế- xã hội của huyện, thành phố: 02 tiêu chí và 07 tiêu chí thành phần.

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CCHC NĂM 2022

1. Công tác tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị

Trên cơ sở Quyết định số 1542/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh và Công văn số 1571/SNV-CCHC&VTLT ngày 29/8/2022 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn chấm điểm bộ Chỉ số CCHC. Các cơ quan, đơn vị đã tổ chức tự đánh giá chấm điểm theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần, tập hợp tài liệu kiểm chứng trên Phần mềm quản lý chấm điểm Chỉ số Cải cách hành chính (*gọi tắt là phần mềm*). Đến ngày 15/12/2022, các cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc tự đánh giá, chấm điểm trên phần mềm và gửi về Sở Nội vụ theo đúng quy định.

2. Công tác thẩm định, đối chiếu kết quả

Tổ thẩm định Chỉ số CCHC của tỉnh theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, gồm 13 thành viên của các sở: Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh, Tài chính, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và đầu tư, Thanh tra tỉnh (*Thanh tra tỉnh thực hiện giám sát công tác thẩm định của các thành viên*) đã tiến hành kiểm tra, rà soát đối chiếu kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC theo từng tiêu chí, tiêu chí thành phần với kết quả theo dõi, hồ sơ, tài liệu kiểm chứng của từng cơ quan, đơn vị;

rà soát kỹ từng tiêu chí, từng tài liệu; bảo đảm phản ánh đầy đủ, chính xác, khách quan, công bằng trong đánh giá, chấm điểm.

Sau khi tổ thẩm định hoàn thành bước rà soát, đối chiếu kết quả tự đánh giá của các cơ quan, đơn vị; Sở Nội vụ đã ban hành Công văn số 2299/SNV-CCHC&VTLT ngày 20/12/2022 thông báo kết quả thẩm định bước 1 với các cơ quan, đơn vị đề nghị bổ sung tài liệu kiểm chứng và giải trình những nội dung chưa nhất trí. Trên cơ sở tài liệu bổ sung, giải trình của các cơ quan, đơn vị, từ ngày 22/12/2022 đến ngày 25/12/2022, các thành viên Tổ thẩm định đã tiến hành thẩm định bước 2. Quá trình thẩm định được thực hiện nghiêm túc, trách nhiệm, công tâm, khách quan, dân chủ, chính xác và nhận được sự đồng thuận từ các cơ quan, đơn vị.

Trên cơ sở kết quả thẩm định của các thành viên Tổ giúp việc và những nội dung đã thống nhất với các thành viên Hội đồng thẩm định, Sở Nội vụ hoàn thành việc cập nhật điểm và tổng hợp vào kết quả Chỉ số CCHC năm 2022 các cơ quan, đơn vị.

3. Tổ chức điều tra xã hội học và kết quả điều tra

Sở Nội vụ đã triển khai công tác điều tra xã hội học theo Quyết định số 1543/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch điều tra xã hội học xác định Chỉ số CCHC năm 2022 của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.

a) Đối tượng điều tra xã hội học

- Đối với khối sở: tập thể lãnh đạo sở; lãnh đạo và công chức, viên chức các phòng ban chuyên môn, cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc.

- Đối với khối huyện: Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện; Thường trực UBND; lãnh đạo và công chức các phòng, ban chuyên môn cơ quan, đơn vị thuộc UBND các huyện, thành phố; Thường trực UBND, công chức chuyên môn thuộc UBND các xã, phường, thị trấn.

b) Phương thức điều tra xã hội học: phát phiếu điều tra xã hội học qua Bưu điện tỉnh đến cán bộ, công chức để trả lời. Điều tra viên là các nhân viên Bưu điện tỉnh và Bưu điện huyện, xã được chọn ở 12 huyện, thành phố, được Sở Nội vụ hướng dẫn về nội dung, phương pháp phát phiếu, thu thập thông tin điều tra xã hội học. Kết quả thu phiếu của điều tra viên được gửi về Bưu điện tỉnh để phân loại, sắp xếp và giao nộp về Sở Nội vụ. Các cơ quan, đơn vị không tham gia quá trình phát phiếu điều tra.

c) Việc nhập phiếu điều tra xã hội học được thực hiện trên phần mềm do Công ty TNHH giải pháp công nghệ Đại Nam thực hiện.

d) Kết quả điều tra xã hội học

Tổng số phiếu thu về là 1.406/1.406 phiếu, đạt 100% số phiếu phát ra. Số phiếu hợp lệ là 1.406/1.406 phiếu (đạt 100%).

Kết quả điều tra:

a) Đối với khối sở: Điểm trung bình 18,56/20 điểm đạt 92,8%, có 08/20 đơn vị có điểm đạt được thấp hơn điểm trung bình; Sở Nội vụ có điểm cao nhất, được 19,29 điểm đạt 9,45%; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội có điểm thấp nhất, được 18,05 điểm đạt 88,65%.

b) Đối với khối huyện: Điểm trung bình 17,20/20 điểm đạt 83,25%; 07/12 đơn vị có điểm đạt được thấp hơn điểm trung bình; UBND huyện Sông Mã có điểm cao nhất, được 17,38 điểm, đạt 86,9%; UBND huyện Sốp Cộp có điểm thấp nhất, được 15,83 điểm, đạt 79,15%.

III. KẾT QUẢ CHỈ SỐ CCHC NĂM 2022

Năm 2022, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, quyết liệt công tác CCHC của tỉnh; chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, tháo gỡ những vướng mắc trong việc tổ chức triển khai, thực hiện nhiệm vụ, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp vượt qua khó khăn, thách thức nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 và sớm phục hồi sản xuất, kinh doanh. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã thực hiện các giải pháp chỉ đạo, điều hành CCHC có nhiều sáng tạo, đổi mới tích cực; tham mưu ban hành văn bản QPPL đảm bảo chất lượng hơn; nâng cao tỷ lệ giải quyết hồ sơ, TTHC đúng hạn và trước hạn, việc xử lý hồ sơ công việc và trao đổi trên môi trường điện tử; đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến. Nhờ vậy, kết quả Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị có nhiều chuyển biến rõ nét.

1. Đối với khối sở

1.1. Kết quả chung (Biểu số 1, 2)

Tổng điểm trung bình của các sở đạt: 91,19/100 điểm, giảm 1,76 điểm so với năm 2021, có 11 đơn vị đạt kết quả trên mức trung bình, trong đó Sở Giao thông vận tải nhất bảng với 96,79 điểm; có 09 đơn vị đạt kết quả dưới mức trung bình, trong đó Sở Lao động, Thương binh và Xã hội cuối bảng với 79,78 điểm; cụ thể như sau:

- Nhóm A (từ 90 điểm trở lên): có 16 đơn vị chiếm tỷ lệ 80%; giảm 01 đơn vị so với năm 2021, bao gồm: Sở Giao thông vận tải; Ban Dân tộc tỉnh; Sở Nội vụ; Sở Tài chính; Sở Công thương; Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tư pháp; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Xây dựng; Thanh tra tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Thông tin và Truyền thông; Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Nhóm B (Từ 70- dưới 90 điểm): có 04 đơn vị chiếm tỷ lệ 30%; tăng 01 đơn vị so với năm 2021, bao gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Sở Ngoại vụ; Sở Y tế.

- Có 02 đơn vị tăng điểm so với năm 2021, bao gồm: Sở Nội vụ; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Có 18 đơn vị giảm điểm so với năm 2021, bao gồm: Sở Giao thông vận tải; Ban Dân tộc tỉnh; Sở Tài chính; Sở Công thương; Sở Thông tin và Truyền

thông; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Xây dựng; Văn phòng UBND tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Tư pháp; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Thanh tra tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Sở Y tế. Trong đó, đơn vị giảm nhiều điểm nhất là Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (*giảm 7,32 điểm*).

- Có 10 đơn vị tăng bậc so với năm 2021 (*tăng 01 đơn vị*), bao gồm: Sở Nội vụ; Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tư pháp; Thanh tra tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Ngoại vụ; Sở Y tế. Trong đó, đơn vị tăng nhiều bậc nhất là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*tăng 7 bậc*).

- Có 5 đơn vị giữ bậc so với năm 2021, bao gồm: Sở Giao thông vận tải; Sở Công thương; Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

- Có 05 đơn vị giảm bậc so với năm 2021 (*giảm 02 đơn vị*), bao gồm: Sở Xây dựng; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Ban Dân tộc; Sở Tài nguyên và Môi trường. Trong đó, đơn vị giảm bậc nhiều nhất là Sở Tài nguyên và Môi trường (*giảm 08 bậc*).

1.2. Kết quả của các tiêu chí (*Biểu số 3*)

- Công tác Chỉ đạo điều hành CCHC (*Biểu số 4*): điểm trung bình đạt được là 9,5/11,5 điểm, Sở Nội vụ cao nhất (*10,41 điểm*), Sở Ngoại vụ thấp nhất (*6,43 điểm*).

- Công tác cải cách thể chế (*Biểu số 5*): điểm trung bình đạt được là 12,4/13 điểm, Sở Nội vụ cao nhất (*12,76 điểm*), Sở Ngoại vụ thấp nhất (*10,54 điểm*).

- Cải cách thủ tục hành chính (*Biểu số 6*): điểm trung bình đạt được là 14,67/15,5 điểm, 14 đơn vị đạt điểm cao nhất (*14,5 điểm*), 05 đơn vị đạt điểm thấp nhất (*13,5 điểm*).

- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính (*Biểu số 7*): điểm trung bình đạt được là 10,84/11 điểm, các cơ quan: Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Dân tộc, Sở Giao thông vận tải đạt điểm cao nhất (*11 điểm*), Sở Ngoại vụ thấp nhất (*10,38 điểm*).

- Cải cách công vụ (*Biểu số 8*): điểm trung bình đạt được là 12,45/13,5 điểm, Sở Nội vụ cao nhất (*13,34 điểm*), Sở Y tế thấp nhất (*8,98 điểm*).

- Cải cách tài chính công (*Biểu số 9*): điểm trung bình đạt được là 9,06/10 điểm, Sở Giao thông vận tải cao nhất (*9,87 điểm*), Sở Y tế thấp nhất (*6,94 điểm*).

- Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số (*Biểu số 10*): điểm trung bình đạt được là 14,15/16,5 điểm, Sở Nội vụ cao nhất (*15,81 điểm*), Sở Lao động, Thương binh và Xã hội thấp nhất (*8,27 điểm*).

- Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức (*Biểu số 11*): điểm trung bình đạt được là 9,58/10 điểm, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ban Dân tộc cao nhất (*10 điểm*), Sở Ngoại vụ thấp nhất (*9,04 điểm*).

2. Đối với khối huyện

2.1. Kết quả chung (Biểu số 1a, 2a)

Tổng điểm trung bình đạt của các huyện: 87,94/100 điểm, tăng 0,37 điểm so với năm 2021; có 05 đơn vị đạt kết quả trên mức trung bình, trong đó UBND huyện Sông Mã là đơn vị xếp vị trí thứ nhất bảng xếp hạng với 96,19 điểm; có 07 đơn vị đạt kết quả dưới mức trung bình, trong đó UBND huyện Bắc Yên cuối bảng với 81,7 điểm, cụ thể như sau:

- Nhóm A (từ 90 điểm trở lên): có 05/12 huyện, thành phố (tăng 02 đơn vị so với năm 2021) chiếm 42%, bao gồm UBND các huyện: Sông Mã, Mộc Châu, thành phố Sơn La, Mai Sơn, Yên Châu.

- Nhóm B (từ 70 đến dưới 90 điểm): có 07/12 huyện (giảm 02 đơn vị so với năm 2021) chiếm tỷ lệ 68%; bao gồm UBND các huyện: Quỳnh Nhai, Mường La, Thuận Châu, Bắc Yên, Phù Yên, Sốp Cộp, Vân Hồ.

- Có 07 đơn vị tăng điểm so với năm 2021, gồm UBND các huyện: Sông Mã, Mộc Châu, Mai Sơn, Vân Hồ, Yên Châu, Sốp Cộp, thành phố Sơn La, trong đó đơn vị tăng nhiều điểm nhất là UBND huyện Vân Hồ (tăng 7,29 điểm).

- Có 05 đơn vị giảm điểm so với năm 2021, gồm UBND các huyện: Quỳnh Nhai, Mường La, Thuận Châu, Phù Yên, Bắc Yên, trong đó đơn vị giảm nhiều điểm nhất là UBND huyện Bắc Yên (giảm 4,49 điểm).

- Có 04 huyện tăng bậc so với năm 2021 (giảm 02 đơn vị), gồm UBND các huyện: Sông Mã, Yên Châu, Sốp Cộp, Vân Hồ, trong đó có 02 đơn vị tăng nhiều bậc nhất là UBND huyện Vân Hồ, Yên Châu (tăng 05 bậc).

- Có 02 huyện giữ bậc so với năm 2021 (giảm 02 đơn vị) gồm UBND các huyện: Mai Sơn, Mường La.

- Có 06 huyện giảm bậc so với năm 2021 (tăng 04 đơn vị), gồm UBND các huyện: thành phố Sơn La, Thuận Châu, Phù Yên, Bắc Yên, Quỳnh Nhai trong đó đơn vị giảm nhiều bậc nhất là UBND huyện Quỳnh Nhai (giảm 6 bậc).

2.2. Kết quả của các tiêu chí (Biểu số 3a)

- Công tác Chỉ đạo điều hành CCHC (Biểu số 4a): điểm trung bình đạt được là 8,48/11 điểm, UBND huyện Mộc Châu cao nhất (10,26 điểm), UBND huyện Sốp Cộp thấp nhất (6,64 điểm).

- Công tác Cải cách thể chế (Biểu số 5a): điểm trung bình đạt được là 10,08/11 điểm, UBND huyện Sông Mã cao nhất (10,43 điểm), UBND huyện Vân Hồ thấp nhất (9,94 điểm).

- Cải cách thủ tục hành chính (Biểu số 6a): điểm trung bình đạt được là 14,6/15,5 điểm, UBND các huyện: Mai Sơn, Mộc Châu, Sông Mã (15,5 điểm), UBND huyện Bắc Yên thấp nhất (11 điểm).

- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính (*Biểu số 7a*): điểm trung bình đạt được là 8,8/9 điểm, UBND Sông Mã cao nhất (8,94 điểm), UBND Thuận Châu thấp nhất (8,41 điểm).

- Cải cách công vụ (*Biểu số 8a*): điểm trung bình đạt được là 11,6/13 điểm, UBND Mộc Châu cao nhất (12,56 điểm), UBND huyện Vân Hồ thấp nhất (10,98 điểm).

- Cải cách tài chính công (*Biểu số 9a*): điểm trung bình đạt được là 8,55/9,5 điểm, UBND huyện Sông Mã cao nhất (9,24 điểm), UBND Thuận Châu thấp nhất (7,2 điểm).

- Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số (*Biểu số 10a*): điểm trung bình đạt được là 12,46/17,5 điểm, UBND huyện Sông Mã cao nhất (14,52 điểm), UBND huyện Phù Yên thấp nhất (9,28 điểm).

- Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức (*Biểu số 11a*): điểm trung bình đạt được là 14,16/15 điểm, UBND huyện Sông Mã cao nhất (14,99 điểm), UBND huyện Vân Hồ thấp nhất (13,45 điểm).

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Những kết quả đạt được

Năm 2022, công tác CCHC tiếp tục được xác định là một trong những nhiệm vụ, giải pháp quan trọng trong hoạt động chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh. Chỉ đạo cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai nhiều giải pháp quan trọng đề ra soát, tháo gỡ những điểm nghẽn, nút thắt nhằm thực hiện có hiệu quả “mục tiêu kép” vừa phòng, chống dịch bệnh Covid-19, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành và chỉ đạo chủ trương, chính sách, giải pháp cấp bách các nhằm tháo gỡ khó khăn và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp phục hồi các sản xuất kinh doanh, giảm thiểu tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid-19. Các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, có nhiều đổi mới, sáng tạo, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến xã theo hướng hành chính phục vụ, chuyên nghiệp, hiện đại, năng động, trách nhiệm, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của người dân và xã hội và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tích cực đổi mới phương thức làm việc, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh chuyển đổi số để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đặc biệt cải thiện chất lượng phục vụ nhân dân; nghiên cứu, áp dụng, nhân rộng nhiều mô hình sáng kiến hay về cải cách hành chính; các hoạt động tuyên truyền ngày càng đa dạng, phong phú, truyền tải kịp thời, nhanh chóng kết quả, chủ trương, chính sách về cải cách hành chính đến người dân, doanh nghiệp và xã hội.

Công tác tổ chức triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2022 có nhiều đổi mới, sáng tạo nội dung, phương pháp phù hợp với đặc điểm tình hình thực tiễn của các cơ quan đơn vị, giúp nâng cao tính khách quan, khoa học và chính xác trong

đánh giá, xếp hạng kết quả Chỉ số CCHC các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, đồng thời gắn với tiêu chí xác định Chỉ số CCHC của Bộ Nội vụ.

Hệ thống tiêu chí đánh giá xác định Chỉ số CCHC năm 2022 đã được nghiên cứu, sửa đổi, hoàn thiện cả về phương pháp và nội dung cùng với việc tổ chức thực hiện ngày càng chuyên nghiệp, trách nhiệm có sự hỗ trợ của ứng dụng công nghệ thông tin đã giúp cho kết quả theo dõi, đánh giá và xếp hạng ngày càng chính xác, minh bạch và khoa học. Với bộ tiêu chí đánh giá mới đã được tinh giản, tập trung vào đánh giá kết quả và tác động, việc đánh giá có sự kết hợp chặt chẽ giữa bên trong và bên ngoài cơ quan hành chính làm cho các thông tin thu được từ Chỉ số CCHC có tính tổng hợp, đa chiều, bảo đảm tính khách quan. Đặc biệt, đã có sự kết hợp đánh giá sự hài lòng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp với đánh giá Chỉ số CCHC, giúp cho việc đánh giá có tính tổng hợp, toàn diện; kết quả Chỉ số CCHC vừa phản ánh được mục tiêu, yêu cầu đặt ra của CCHC, vừa phản ánh được mong muốn, nguyện vọng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính. Các cơ quan, đơn vị luôn coi đây là công cụ hữu ích trong công tác chỉ đạo điều hành CCHC của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị; kết quả đánh giá giúp xác định rõ tồn tại, hạn chế, chỉ rõ trách nhiệm giải trình và làm cơ sở quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân trong thực thi công vụ và của tổ chức trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Các cơ quan, đơn vị đã nghiêm túc tiến hành công tác tự đánh giá, chấm điểm và kịp thời cập nhật kết quả tự đánh giá kèm theo tài liệu kiểm chứng lên phần mềm quản lý chấm điểm Chỉ số CCHC. Hội đồng thẩm định và Tổ giúp việc tiếp tục tiến hành thẩm định, rà soát, đánh giá và chấm điểm khách quan, tương đối chính xác. Công tác thẩm định được tổ chức khẩn trương, nghiêm túc, khách quan, công bằng.

Công tác điều tra xã hội học xác định Chỉ số CCHC năm 2022 có sự tham gia của Bưu điện Sơn La và Công ty TNHH giải pháp công nghệ Đại Nam; sự giám sát của Sở Nội vụ, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh bảo đảm việc điều tra xã hội học có tính độc lập và chuyên nghiệp cao và khách quan, công bằng, minh bạch trong việc đánh giá CCHC. Quá trình tổ chức điều tra xã hội học đã góp phần làm cho kết quả điều tra xã hội học đạt được tính khách quan, sát với thực tế hơn.

Kết quả Chỉ số CCHC năm 2022 đã phản ánh tương đối sát tình hình triển khai CCHC tại các cơ quan, đơn vị trong năm đánh giá; kết quả đánh giá đã ghi nhận sự tiến bộ, tích cực trong cả 6 nhiệm vụ CCHC theo yêu cầu của Chính phủ mà các cơ quan, đơn vị đã đạt được:

- Đối với khối sở: giá trị trung bình Chỉ số CCHC năm 2022 là 91,19%, giảm 1,75% so với năm 2021; khoảng cách giữa đơn vị cao nhất và thấp nhất là 16,92 điểm (*khoảng cách lớn hơn so với năm 2021 là 5,86 điểm*); đáng chú ý là có 16 đơn vị tăng điểm so với năm 2021 và không có đơn vị nào đạt kết quả Chỉ số CCHC dưới 70 điểm, có 11 đơn vị đạt Chỉ số CCHC trên giá trị trung bình.

- Đối với khối huyện: giá trị trung bình Chỉ số CCHC năm 2022 là 87,94/100 điểm, tăng 0,37 điểm so với năm 2021. Trên bảng xếp hạng, UBND huyện Sông Mã đứng thứ nhất đạt 96,19 liên tiếp đứng đầu bảng xếp hạng; xếp cuối là UBND huyện Bắc Yên, đạt 81,7 điểm; khoảng cách giữa đơn vị cao nhất và thấp nhất là 14,49 điểm (*khoảng cách này được rút ngắn so với năm 2021 là 4,09 điểm*); đáng chú ý là có 07 đơn vị tăng điểm so với năm 2021, không có đơn vị nào đạt kết quả Chỉ số CCHC dưới 70 điểm và có 05 đơn vị đạt Chỉ số CCHC trên giá trị trung bình.

Kết quả Chỉ số CCHC 2022 có tính tổng hợp, đa chiều, gắn kết việc đánh giá bên trong nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước với đánh giá khách quan từ phía người dân, tổ chức; gắn kết giữa đánh giá kết quả CCHC hàng năm với đánh giá tác động của cải cách lên sự hài lòng của người dân, tổ chức và các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Chỉ số CCHC năm 2022 phản ánh khách quan, trung thực kết quả triển khai CCHC thực tế các cơ quan, đơn vị là cơ sở quan trọng giúp người đứng đầu các cơ quan, đơn vị xác định được những mặt mạnh, mặt yếu trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC năm 2022, từ đó có các giải pháp, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo phù hợp trong công tác CCHC, đem lại hiệu quả cao hơn.

2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

- Qua triển khai đánh giá, xác định Chỉ số CCHC vẫn còn tồn tại, hạn chế tại một số cơ quan đơn vị chất lượng báo cáo tự chấm điểm và bổ sung tài liệu kiểm chứng chưa cao; nhiều đơn vị còn báo cáo không chính xác, chấm điểm sơ sài, cao hơn thực tế, thiếu tài liệu kiểm chứng, do đó Hội đồng đánh giá phải yêu cầu bổ sung tài liệu kiểm chứng và giải trình lại; một số cơ quan, đơn vị khi thực hiện giải trình bổ sung, chưa có trách nhiệm cung cấp lại tài liệu kiểm chứng, không giải trình rõ nội dung, gây khó khăn cho quá trình thẩm định. Việc phối hợp giữa bộ phận tham mưu công tác CCHC và các phòng liên quan trong cơ quan, đơn vị chưa chặt chẽ, thường xuyên nên ảnh hưởng đến công tác tổng hợp, thu thập số liệu để tự chấm điểm cho các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC.

- Công tác điều tra xã hội học còn gặp khó khăn do việc tiếp cận đối tượng khảo sát được xác định trước ở một số nơi còn khó khăn, do người dân không có ở địa phương hoặc có trường hợp người dân không hợp tác với điều tra viên, còn e ngại trong quá trình trả lời phiếu. Việc giám sát, kiểm tra công tác điều tra xã hội học còn hạn chế về số lượng đơn vị, thời gian và hình thức tổ chức và nhân lực để thực hiện giám sát.

- Qua xác định Chỉ số CCHC năm 2022 đã chỉ ra những tồn tại, hạn chế trong công tác CCHC của các cơ quan, đơn vị, đó là:

+ Công tác chỉ đạo điều hành, một số cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng, ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm chưa sát với thực tiễn dẫn đến việc thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ CCHC theo kế hoạch năm đề ra chưa hoàn

thành 100%; chưa xử lý dứt điểm tồn tại, hạn chế phát hiện qua kiểm tra CCHC; công tác tuyên truyền chưa đa dạng, phong phú; chưa hoàn thành các nhiệm vụ được UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giao trong năm 2022 hoặc hoàn thành nhưng chưa đảm bảo tiến độ, chất lượng theo quy định

+ Một số đơn vị chưa thực hiện nghiêm quy trình ban hành văn bản QPPL; chưa thực hiện tốt công tác theo dõi thi hành pháp luật.

+ Về cải cách thủ tục hành chính (TTHC): một số đơn vị chưa cập nhật công khai đầy đủ nội dung, quy định về TTHC trên Cổng dịch vụ công và Trang Thông tin điện tử sau khi công bố; có nơi còn công khai TTHC tại văn bản đã hết hiệu lực thi hành; việc giải quyết hồ sơ TTHC tại một số cơ quan, đơn vị vẫn còn trễ hẹn, có đơn vị chưa thực hiện nghiêm việc xin lỗi người dân khi giải quyết TTHC quá hẹn; công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, huyện và Cổng dịch vụ công của tỉnh còn chưa đầy đủ.

+ Trong năm, có lãnh đạo, công chức, viên chức vi phạm, bị xử lý kỷ luật bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ; có đơn vị triển khai công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức còn chậm so với quy định; ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức còn chậm; công tác bổ nhiệm công chức, viên chức có nội dung còn chưa đảm bảo.

+ Một số đơn vị chưa hoàn thành giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước; có đơn vị chậm thực hiện các kiến nghị, kết luận của thanh tra, kiểm toán về công tác tài chính- ngân sách; nhiều đơn vị không có tăng thu nhập trong cơ quan.

+ Việc triển khai chữ ký số tại một số cơ quan, đơn vị cấp huyện, cấp xã còn chậm; tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết TTHC còn thấp, nhất là cấp xã; tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3, 4 còn thấp; dịch vụ bưu chính công ích phát sinh hồ sơ thấp; lượng truy cập Trang Thông tin điện tử của một số cơ quan, đơn vị chưa cao.

+ Mức độ thu hút đầu tư, thu ngân sách của một số huyện chưa đạt chỉ tiêu theo kế hoạch, có huyện không có dự án thu hút đầu tư hoàn thành đưa vào hoạt động trong năm; một số huyện chưa hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do HĐND cấp huyện giao; có huyện chậm phối hợp với các ngành trong giải quyết khó khăn vướng mắc của nhà đầu tư và dự án, thực hiện thu ngân sách hàng năm của huyện chưa đạt theo Kế hoạch được tỉnh giao.

2.2. Nguyên nhân

- Lãnh đạo, người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị chưa chủ động thực hiện những nội dung liên quan đến công tác CCHC, thiếu kiểm tra, theo dõi, đôn đốc, nhắc nhở, chưa kịp thời giải quyết những vấn đề mới phát sinh trong hoạt động quản lý nhà nước tại các cơ quan, đơn vị. Chỉ số CCHC vẫn chưa được coi là công cụ trong quản lý công tác CCHC, chưa kịp thời chấn chỉnh, cải thiện những điểm còn hạn chế, yếu kém được chỉ ra trong Chỉ số CCHC

hàng năm; việc khắc phục tồn tại, hạn chế qua kiểm tra còn hình thức, triển khai chậm. Một số mục tiêu CCHC xây dựng mang tính định tính nên rất khó đánh giá đúng hiệu quả và trách nhiệm của cơ quan, tập thể, cá nhân liên quan trong tổ chức thực hiện.

- Kinh phí đầu tư cho cơ sở hạ tầng ứng dụng CNTT còn hạn chế và phân tán, thiếu tập trung, chưa đồng bộ giữa các cấp, huy động các nguồn lực đầu tư từ bên ngoài còn thấp. Người đứng đầu ở một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự quan tâm chỉ đạo đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị. Một bộ phận cán bộ, công chức nhận thức chưa đầy đủ về vai trò của ứng dụng CNTT trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

- Tổ chức, cá nhân chưa quen với việc sử dụng dịch vụ của đơn vị bưu chính công ích, sợ khi tiếp nhận và trả kết quả TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích thời gian kéo dài hơn, sợ mất, thất lạc hồ sơ, giấy tờ, nên phải đến cơ quan nơi giải quyết các TTHC để gửi, nhận trực tiếp. Đối tượng thực hiện việc giải quyết các TTHC của các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố đa số là các cá nhân, tổ chức đóng trên địa bàn tỉnh khoảng cách đi lại gần nên các tổ chức, cá nhân đến lấy trực tiếp tại Bộ phận một cửa cấp sở, cấp huyện, cấp xã. Mức phí sử dụng dịch vụ bưu chính quá cao.

- Một bộ phận nhỏ cán bộ, công chức tinh thần trách nhiệm chưa cao, chưa chủ động nghiên cứu, học tập. Việc phối hợp trong giải quyết công việc ở một số cơ quan chưa hiệu quả.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG THỜI GIAN TỚI

1. Các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1.1. Thông báo công khai kết quả đánh giá Chỉ số CCHC năm 2022, nâng cao trách nhiệm của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong công tác CCHC và việc xác định Chỉ số CCHC hàng năm. Nghiên cứu, sử dụng có hiệu quả kết quả Chỉ số CCHC hàng năm trong công tác quản lý, điều hành, theo dõi, đánh giá và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ CCHC của các cơ quan, đơn vị trực thuộc; chỉ đạo sát sao và có biện pháp cụ thể để khắc phục những hạn chế yếu kém trong công tác CCHC, nhất là những hạn chế, bất cập diễn ra trong thời gian dài.

1.2. Rà soát, ban hành chương trình, kế hoạch và các giải pháp cụ thể để tổ chức triển khai có hiệu quả công tác CCHC tại cơ quan, đơn vị.

1.3. Thường xuyên rà soát, tăng cường đổi mới, sáng tạo và mạnh dạn triển khai thí điểm, nhân rộng các mô hình cải cách mới, có tính đột phá để kịp thời tháo gỡ rào cản thể chế, cơ chế, chính sách, giúp phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế.

1.4. Quan tâm bố trí đủ nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ CCHC. Chú trọng công tác thông tin, tuyên truyền CCHC với nhiều hình thức khác nhau để tạo sự đồng thuận trong xã hội và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, kịp thời phát hiện, nhân rộng những điển hình, sáng kiến trong CCHC phù hợp với phạm

vi, thẩm quyền được giao và các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về CCHC.

1.5. Tăng cường kiểm tra, rà soát các văn bản QPPL do ngành quản lý và tham mưu ban hành, kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật. Đẩy mạnh công tác theo dõi thi hành pháp luật với công tác xây dựng, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật. Không để tình trạng nợ đọng văn bản QPPL, cũng như tình trạng chậm trễ thi hành các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trong năm.

1.6. Rà soát, cập nhật, công khai TTHC dưới nhiều hình thức để người dân, doanh nghiệp dễ tiếp cận, thực hiện; khắc phục ngay tình trạng niêm yết, đăng tải các quy định về TTHC đã hết hiệu lực thi hành. Thường xuyên rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa TTHC hoặc kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính cần thiết; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức tại bộ phận một cửa các cấp, từng bước nâng cao tỷ lệ hồ sơ đúng hẹn, trước hẹn, giảm thời gian đi lại và nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức; thực hiện nghiêm túc việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn. Tiếp tục đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính, gắn với số hóa và sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC; kịp thời giải quyết các phản ánh kiến nghị về các quy định TTHC, tránh gây bức xúc, tạo dư luận không tốt trong Nhân dân.

1.7. Tiếp tục rà soát sắp xếp các cơ quan chuyên môn theo hướng dẫn của của cấp có thẩm quyền; rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ; sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 18-NQ/TW; Nghị quyết số 19-NQ/TW; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020; Nghị định 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ.

1.8. Các cơ quan, đơn vị thường xuyên rà soát, hoàn thiện các nội dung về vị trí việc làm của công chức, viên chức sau khi thực hiện cắt giảm, sắp xếp lại tổ chức bộ máy. Tiếp tục thực hiện cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, khung năng lực, đảm bảo đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu. Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật; tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Kiểm tra công vụ, kiểm tra đột xuất việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, nhất là đội ngũ công chức, viên chức trực tiếp giải quyết công việc cho người dân, tổ chức.

1.9. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 của Chính phủ về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần; rà soát các đơn vị sự nghiệp công lập đáp ứng được tiêu chí chuyên thành công ty cổ phần theo quy định của

Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để tổ chức triển khai thực hiện, phần đầu và duy trì 100% cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được giao thực hiện tự chủ. Các cơ quan, đơn vị triển khai đồng bộ các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đã được phê duyệt. Tăng cường thanh tra, kiểm tra để kịp thời chấn chỉnh, xử lý những trường hợp sai phạm trong quản lý, sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước.

1.10. Ưu tiên nguồn lực, tập trung triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ về xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, xây dựng chính quyền điện tử trên cơ sở CCHC, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ, hướng tới chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số. Nâng cao tỷ lệ xử lý hồ sơ, trao đổi công việc trên môi trường mạng. Thực hiện tốt việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 cho người dân, tổ chức trên Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công của tỉnh; tăng cường kết nối liên thông điện tử giữa các cấp trong giải quyết hồ sơ TTHC, có biện pháp nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ hành chính công cho những đối tượng khó khăn, đặc thù.

1.11. Các cơ quan, đơn vị quan tâm, phối hợp chặt chẽ hơn với Sở Nội vụ trong triển khai kế hoạch xác định Chỉ số CCHC hàng năm để kết quả Chỉ số CCHC được xác định chính xác, khách quan và được công bố đúng thời gian quy định. Tổ chức tự đánh giá, chấm điểm nghiêm túc, thực chất hơn, tránh nặng về thành tích, để kết quả điểm khách quan, chính xác, sát với tình hình triển khai và kết quả đạt được trong cải cách hành chính. Kịp thời rà soát, phản ánh, kiến nghị với Sở Nội vụ những vấn đề chưa hợp lý về nội dung, phương pháp xác định Chỉ số CCHC để nghiên cứu, điều chỉnh cho phù hợp.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường giám sát công tác CCHC, tích cực phối hợp với Sở Nội vụ trong tổ chức điều tra xã hội học tại các cơ quan, đơn vị để bảo đảm kết quả khách quan, trung thực, phản ánh đúng thực tế.

3. Đề nghị Bưu điện Sơn La tiếp tục quan tâm, phối hợp chặt chẽ với Sở Nội vụ thực hiện điều tra xã hội học tại các cơ quan, đơn vị trong tỉnh để xác định Chỉ số CCHC hàng năm, bảo đảm tính khách quan, trung thực, đúng yêu cầu đề ra.

4. Giao Sở Nội vụ

4.1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, trên cơ sở Quyết định số 979/QĐ-BNV ngày 18/11/2020 của Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030”; Quyết định số 876/QĐ-BNV ngày 10/11/2022 của Bộ Nội vụ về phê duyệt Đề án “Xác định chỉ số CCHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

ương” giai đoạn 2022 - 2030 và kế hoạch xác định Chỉ số CCHC năm 2022 tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về tiêu chí và quy trình đánh giá Chỉ số CCHC hàng năm của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố theo hướng đánh giá thực chất, công bằng, bình đẳng, nâng cao chất lượng công tác CCHC trên địa bàn tỉnh góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh năm 2023 và những năm tiếp theo.

4.2. Lựa chọn những nội dung thiết thực để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng công tác CCHC nhằm trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết về CCHC cho đội ngũ công chức thực hiện công tác CCHC tại các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

4.3. Tổ chức kiểm tra công tác CCHC theo kế hoạch nhằm đánh giá chính xác kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác CCHC năm 2022, chỉ ra những mặt còn hạn chế, tồn tại, kịp thời chấn chỉnh, đề xuất biện pháp, giải pháp để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ công tác CCHC./.





KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2022
CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH

STT	Xếp hạng	Tên đơn vị	Điểm thẩm định	Điểm điều tra xã hội học		Chỉ số cải cách hành chính năm 2022
				Khảo sát công chức, lãnh đạo quản lý	Khảo sát người dân (SIPAS)	
1	1	Sở Giao thông vận tải	67.98	18.89	9.92	96.79
2	2	Sở Nội vụ	67.45	19.29	9.76	96.5
3	3	Văn phòng UBND tỉnh Sơn La	66.49	18.28	9.34	94.11
4	4	Sở Tài chính	65.42	19.13	9.52	94.07
5	5	Sở Công thương	65.43	18.7	9.77	93.9
6	6	Sở Tư pháp	65.35	18.9	9.53	93.78
7	7	Ban dân tộc tỉnh	64.58	18.85	10	93.43
8	8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	65.15	18.68	9.52	93.35
9	9	Thanh tra tỉnh	64.31	18.66	9.2	92.17
10	10	Sở Giáo dục và Đào tạo	63.17	18.25	9.83	91.25
11	11	Sở Xây dựng	62.61	18.6	9.99	91.2
12	12	Sở Khoa học và Công nghệ	63.11	18.88	9.17	91.16
13	13	Ban quản lý khu công nghiệp	62.84	18.19	10	91.03
14	14	Sở Văn hóa thể thao và Du lịch	62.97	18.53	9.51	91.01
15	15	Sở Thông tin và Truyền thông	62.45	18.43	9.97	90.85
16	16	Sở Tài nguyên và Môi trường	62.61	18.19	9.51	90.31
17	17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	61.99	18.09	9.45	89.53
18	18	Sở Ngoại vụ	58.31	18.61	9.04	85.96
19	19	Sở Y tế	55.73	18.36	9.49	83.58
20	20	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	52.9	17.73	9.15	79.78
		Trung bình	63.04	18.56	9.58	91.19





**KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2022
CỦA UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ**

STT	Xếp hạng	Tên đơn vị	Điểm thẩm định	Điểm điều tra xã hội học		Chỉ số cải cách hành chính năm 2022
				Khảo sát công chức, lãnh đạo quản lý	Khảo sát người dân (SIPAS)	
1	1	UBND huyện Sông Mã	68.19	18.01	9.99	96.19
2	2	UBND huyện Mộc Châu	67.13	17.69	9.78	94.6
3	3	UBND thành phố Sơn La	67.18	17.4	9.19	93.77
4	4	UBND huyện Mai Sơn	64.85	17.02	9.78	91.65
5	5	UBND huyện Yên Châu	63.74	17.19	9.73	90.66
6	6	UBND huyện Mường La	59.63	16.76	9.54	85.93
7	7	UBND huyện Vân Hồ	58.91	17.04	9.95	85.9
8	8	UBND huyện Sốp Cộp	58.82	16.94	9.85	85.61
9	9	UBND huyện Phù Yên	56.57	17.07	9.57	83.21
10	10	UBND huyện Thuận Châu	56.05	17.43	9.72	83.2
11	11	UBND huyện Quỳnh Nhai	56.77	16.92	9.17	82.86
12	12	UBND huyện Bắc Yên	55.44	16.94	9.32	81.7
Trung bình			61.11	17.20	9.63	87.94



**BIỂU SỐ SÁNH KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
NĂM 2022 VỚI NĂM 2021 CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH**

STT	Tên đơn vị	Chỉ số cải cách hành chính năm 2021	Chỉ số cải cách hành chính năm 2022	Tăng, giảm so với năm 2021	
				Điểm	Thứ tự
1	Sở Giao thông vận tải	97.19	96.79	-0.4	=
2	Sở Nội vụ	94.86	96.5	1.64	+1
3	Văn phòng UBND tỉnh Sơn La	94.52	94.11	-0.41	+3
4	Sở Tài chính	94.62	94.07	-0.55	=
5	Sở Công thương	94.55	93.9	-0.65	=
6	Sở Tư pháp	94.34	93.78	-0.56	+1
7	Ban dân tộc tỉnh	94.93	93.43	-1.5	-5
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	93.23	93.35	0.12	+7
9	Thanh tra tỉnh	93.86	92.17	-1.69	+1
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	93.85	91.25	-2.6	+1
11	Sở Xây dựng	93.93	91.2	-2.73	-2
12	Sở Khoa học và Công nghệ	93.71	91.16	-2.55	+2
13	Ban quản lý khu công nghiệp	93.75	91.03	-2.72	=
14	Sở Văn hóa thể thao và Du lịch	92.11	91.01	-1.1	+2
15	Sở Thông tin và Truyền thông	93.8	90.85	-2.95	-3
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	94.03	90.31	-3.72	-8
17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	91.51	89.53	-1.98	=
18	Sở Ngoại vụ	86.84	85.96	-0.88	+1
19	Sở Y tế	86.13	83.58	-2.55	+1
20	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	87.1	79.78	-7.32	-2



**BIỂU SO SÁNH KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2022
VỚI NĂM 2021 CỦA UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ**

ST T	Tên đơn vị	Chỉ số cải cách hành chính năm 2021	Chỉ số cải cách hành chính năm 2022	Tăng, giảm so với năm 2021	
				Điểm	Thứ tự
1	UBND huyện Sông Mã	93.19	96.19	3	+2
3	UBND huyện Mộc Châu	93.48	94.6	1.12	-1
2	UBND thành phố Sơn La	93.43	93.77	0.34	-1
4	UBND huyện Mai Sơn	88.77	91.65	2.88	=
5	UBND huyện Yên Châu	85.19	90.66	5.47	+5
6	UBND huyện Mường La	86.94	85.93	-1.01	=
7	UBND huyện Vân Hồ	78.61	85.9	7.29	+5
8	UBND huyện Sốp Cộp	85	85.61	0.61	+3
10	UBND huyện Phù Yên	86.24	83.21	-3.03	-1
11	UBND huyện Thuận Châu	86.65	83.2	-3.45	-4
12	UBND huyện Quỳnh Nhai	87.2	82.86	-4.34	-6
12	UBND huyện Bắc Yên	86.19	81.7	-4.49	-3





BIỂU TỔNG HỢP THEO LĨNH VỰC CHỈ SỐ CCHC CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH NĂM 2022

STT	Xếp hạng	Tên đơn vị	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC (11.50 điểm)	Cải cách thể chế (13 điểm)	Cải cách thủ tục hành chính (14.5 điểm)	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính (11 điểm)	Cải cách công vụ (13.50 điểm)	Cải cách tài chính công (10 điểm)	Xây dựng CQ điện tử, CQ số (16.50 điểm)	Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức (10 điểm)	Tổng điểm (100 điểm)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	1	Sở Giao thông vận tải	10.34	12.14	14.5	11	13.25	9.87	15.77	9.92	96.79
2	2	Sở Nội vụ	10.41	12.76	14.5	11	13.34	8.92	15.81	9.76	96.5
3	3	Văn phòng UBND tỉnh Sơn La	9.34	12.41	14.5	10.84	12.21	9.72	15.75	9.34	94.11
4	4	Sở Tài chính	10.39	12.24	13.5	10.96	13.31	9.82	14.33	9.52	94.07
5	5	Sở Công thương	10.17	12.62	13.5	10.91	13.24	8.47	15.22	9.77	93.9
6	6	Sở Tư pháp	9.35	12.67	14.5	10.94	13.27	7.88	15.64	9.53	93.78
7	7	Ban dân tộc tỉnh	8.29	11.13	14.5	11	13.25	9.86	15.4	10	93.43
8	8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	8.71	12.61	14.5	10.94	12.23	9.67	15.17	9.52	93.35
9	9	Thanh tra tỉnh	8.65	12.6	14.5	10.9	12.75	9.8	13.77	9.2	92.17
10	10	Sở Giáo dục và Đào tạo	10.06	12.17	14.5	10.49	11.66	8.37	14.17	9.83	91.25
11	11	Sở Xây dựng	10.04	10.61	14.5	10.74	12.77	9.87	12.68	9.99	91.2
12	12	Sở Khoa học và Công nghệ	8.19	12.65	14	11	12.27	8.86	15.02	9.17	91.16
13	13	Ban quản lý khu công nghiệp	7.79	11.79	14.5	10.89	11.69	9.65	14.72	10	91.03
14	14	Sở Văn hóa thể thao và Du lịch	7.81	12.57	14.5	10.89	12.7	9.81	13.22	9.51	91.01
15	15	Sở Thông tin và Truyền thông	8.33	11.4	13.5	10.86	12.78	8.77	15.24	9.97	90.85
16	16	Sở Tài nguyên và Môi trường	8.27	12.26	14.46	10.81	13.17	7.8	14.03	9.51	90.31
17	17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	8.86	11.45	14.5	10.69	12.73	8.68	13.17	9.45	89.53
18	18	Sở Ngoại vụ	6.34	10.54	14.5	10.38	12.77	9.85	12.54	9.04	85.96
19	19	Sở Y tế	9.15	11.48	13.5	10.83	8.98	6.94	13.21	9.49	83.58
20	20	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	8.05	10.79	13.5	10.76	10.66	8.6	8.27	9.15	79.78

✍



BÁO CÁO TỔNG HỢP THEO LĨNH VỰC CHỈ SỐ CCHC CỦA UBND CẤP HUYỆN NĂM 2022

STT	Xếp hạng	Tên đơn vị	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC (11 điểm)	Cải cách thể chế (11 điểm)	Cải cách thủ tục hành chính (15,5 điểm)	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính (09 điểm)	Cải cách công vụ (13 điểm)	Cải cách tài chính công (9.5 điểm)	Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số (16 điểm)	Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và PT KTXH (15 điểm)	Tổng điểm (100 điểm)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	1	UBND huyện Sông Mã	10.25	10.43	15.5	8.94	12.32	9.24	14.52	14.99	96.19
2	2	UBND huyện Mộc Châu	10.26	10.13	15.5	8.9	12.56	8.67	14.3	14.28	94.6
3	3	UBND thành phố Sơn La	9.55	10.13	15.3	8.85	12.46	9.15	14.14	14.19	93.77
4	4	UBND huyện Mai Sơn	9.59	9.99	15.5	8.82	11.37	8.2	14.1	14.08	91.65
5	5	UBND huyện Yên Châu	8.11	10.12	15	8.82	11.16	8.77	13.95	14.73	90.66
6	6	UBND huyện Mường La	8.12	9.99	12.73	8.77	11.59	8.15	12.04	14.54	85.93
7	7	UBND huyện Vân Hồ	8.4	9.94	14.31	8.9	10.98	8.51	11.41	13.45	85.9
8	8	UBND huyện Sốp Cộp	6.64	10.05	13.9	8.82	11.09	8.57	12.69	13.85	85.61
9	9	UBND huyện Phù Yên	9.17	10.02	11.5	8.83	11.4	8.94	9.28	14.07	83.21
10	10	UBND huyện Thuận Châu	7.07	10.17	12.5	8.41	12.47	7.2	11.16	14.22	83.2
11	11	UBND huyện Quỳnh Nhai	7.55	9.99	12.5	8.8	11.12	8.64	10.59	13.67	82.86
12	12	UBND huyện Bắc Yên	7.03	10.04	11	8.83	11.09	8.6	11.29	13.82	81.7

Đ

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LĨNH VỰC CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC
CỦA CÁC SỞ, NGÀNH NĂM 2022**

STT	Xếp hạng	Tên đơn vị	Thực hiện Kế hoạch CCHC (2 điểm)	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC (0.5 điểm)	Công tác kiểm tra CCHC (2 điểm)	Công tác tuyên truyền CCHC (1 điểm)	Sáng kiến mới trong CCHC (2 điểm)	Gắn kết quả công tác CCHC với thi đua, khen thường (0.5 điểm)	Thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao (1.5 điểm)	Sự năng động, quyết tâm của lãnh đạo trong CCHC (2 điểm)	Tổng điểm (11.5 điểm)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	1	Sở Nội vụ	2	0.5	2	1	1.5	0.5	1	1.91	10.41
2	2	Sở Tài chính	2	0.5	2	1	1.5	0.5	1	1.89	10.39
3	3	Sở Giao thông vận tải	2	0.5	2	1	1	0.5	1.5	1.84	10.34
4	4	Sở Công thương	1.84	0.5	2	1	1	0.5	1.5	1.83	10.17
5	5	Sở Giáo dục và Đào tạo	2	0.5	1.73	1	1	0.5	1.5	1.83	10.06
6	6	Sở Xây dựng	1.88	0.5	1.81	1	1	0.5	1.5	1.85	10.04
7	7	Sở Tư pháp	2	0.5	2	1	0	0.5	1.5	1.85	9.35
8	8	Văn phòng UBND tỉnh Sơn La	2	0.5	2	1	0	0.5	1.5	1.84	9.34
9	9	Sở Y tế	1.86	0.5	2	1	0	0.5	1.5	1.79	9.15
10	10	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1.86	0.5	1.7	0.5	1	0.5	1	1.8	8.86
11	11	Sở Nông nghiệp và PT nông thôn	1.39	0.5	2	0.5	1	0.5	1	1.82	8.71
12	12	Thanh tra tỉnh	1.81	0.5	2	1	0	0.5	1	1.84	8.65
13	13	Sở Thông tin và Truyền thông	2	0.5	0.5	1	1	0.5	1	1.83	8.33
14	14	Ban dân tộc tỉnh	1.82	0.5	1.63	0.5	0	0.5	1.5	1.84	8.29
15	15	Sở Tài nguyên và Môi trường	1.5	0.5	2	1	0	0.5	1	1.77	8.27
16	16	Sở Khoa học và Công nghệ	1.86	0.5	0.5	1	1	0.5	1	1.83	8.19
17	17	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	1.5	0.5	1.81	0.5	0	0.5	1.5	1.74	8.05
18	18	Sở Văn hóa thể thao và Du lịch	1.3	0.5	1.7	0.5	0	0.5	1.5	1.81	7.81
19	19	Ban quản lý khu công nghiệp	1	0.5	2	0.5	0	0.5	1.5	1.79	7.79
20	20	Sở Ngoại vụ	0.5	0	2	0.5	0	0	1.5	1.84	6.34

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LĨNH VỰC CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC
CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM 2022

STT	Xếp hàng	Tên đơn vị	Thực hiện Kế hoạch CCHC (2 điểm)	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ (0.5 điểm)	Công tác kiểm tra CCHC (1,5 điểm)	Công tác tuyên truyền CCHC (1 điểm)	Sáng kiến trong CCHC được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận (2 điểm)	Gắn kết quả công tác CCHC với thi đua, khen thưởng (0.5 điểm)	Thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao (1.5 điểm)	Sự năng động, quyết tâm của lãnh đạo trong CCHC (2 điểm)	Tổng điểm (11 điểm)
1	2	3	4	5	6	7	8		9	10	11
1	1	UBND huyện Mộc Châu	2	0.5	1.5	1	1.5	0.5	1.5	1.76	10.26
2	2	UBND huyện Sông Mã	2	0.5	1.5	1	1.5	0.5	1.5	1.75	10.25
3	3	UBND huyện Mai Sơn	1.91	0.5	1.5	1	1	0.5	1.5	1.68	9.59
4	4	UBND thành phố Sơn La	2	0.5	1.31	1	1	0.5	1.5	1.74	9.55
5	5	UBND huyện Phù Yên	2	0.5	1.5	1	1	0.5	1	1.67	9.17
6	5	UBND huyện Vân Hồ	1.91	0.5	1.31	0.5	1	0.5	1	1.68	8.4
7	7	UBND huyện Mường La	2	0.5	1.5	1	0	0.5	1	1.62	8.12
8	8	UBND huyện Yên Châu	1.43	0.5	0.5	0.5	1.5	0.5	1.5	1.68	8.11
9	9	UBND huyện Quỳnh Nhai	2	0.5	1.38	0.5	0	0.5	1	1.67	7.55
10	10	UBND huyện Thuận Châu	1.9	0.5	0.5	1	0	0.5	1	1.67	7.07
11	11	UBND huyện Bắc Yên	1.89	0.5	0.5	1	0	0.5	1	1.64	7.03
12	12	UBND huyện Sốp Cộp	1.5	0.5	0.5	1	0	0.5	1	1.64	6.64

J

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LĨNH VỰC CẢI CÁCH THỂ CHẾ CỦA CÁC SỞ, NGÀNH NĂM 2022

STT	Xếp hạng	Tên đơn vị	Theo dõi thi hành pháp luật (2 điểm)	Tham mưu cho UBND tỉnh trong XD, ban hành các VBQPPL (1 điểm)	Phổ biến GDPL thuộc phạm vi QLNN (1,5 điểm)	Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản (2 điểm)	Xử lý văn bản QPPL phát hiện sai phạm qua kiểm tra (1,5 điểm)	Tác động của cải cách đến chất lượng VBQPPL, VBADQPPL do tỉnh ban hành (5 điểm)	Tổng điểm (13 điểm)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	1	Sở Nội vụ	2	1	1.5	2	1.5	4.76	12.76
2	2	Sở Tư pháp	2	1	1.5	2	1.5	4.67	12.67
3	3	Sở Khoa học và Công nghệ	2	1	1.5	2	1.5	4.65	12.65
4	4	Sở Công Thương	2	1	1.5	2	1.5	4.62	12.62
5	5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2	1	1.5	2	1.5	4.61	12.61
6	6	Thanh tra tỉnh	2	1	1.5	2	1.5	4.6	12.6
7	6	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	2	1	1.5	2	1.5	4.57	12.57
8	8	Văn phòng UBND tỉnh Sơn La	2	1	1.5	2	1.5	4.41	12.41
9	9	Sở Tài nguyên và Môi trường	2	1	1.5	2	1.33	4.43	12.26
10	9	Sở Tài chính	1.5	1	1.5	2	1.5	4.74	12.24
11	9	Sở Giáo dục và Đào tạo	2	1	1.5	2	1.5	4.17	12.17
12	12	Sở Giao thông vận tải	1.5	1	1.5	2	1.5	4.64	12.14
13	13	Ban Quản lý các khu công nghiệp	1.5	1	1.5	2	1.5	4.29	11.79
14	13	Sở Y tế	2	1	1.5	1	1.5	4.48	11.48
15	15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2	0	1.5	2	1.5	4.45	11.45
16	16	Sở Thông tin và Truyền thông	1	1	1.5	2	1.5	4.4	11.4
17	17	Ban Dân tộc	0.5	1	1.5	2	1.5	4.63	11.13
18	18	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	1.5	1	1.5	1	1.5	4.29	10.79
19	19	Sở Xây dựng	0	1	1.5	2	1.5	4.61	10.61
20	20	Sở Ngoại vụ	0	1	1.5	2	1.5	4.54	10.54



**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LĨNH VỰC CẢI CÁCH THỂ CHẾ
CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM 2022**

STT	Xếp hạng	Tên đơn vị	Theo dõi thi hành pháp luật (1,5 điểm)	Xây dựng, ban hành các VBQPPL theo quy định (1 điểm)	Phổ biến giáo dục pháp luật thuộc phạm vi QLNN của huyện (1 điểm)	Công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL (2,5 điểm)	Tác động của cải cách đến chất lượng VBQPPL do huyện ban hành (5 điểm)	Tổng điểm (11 điểm)
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	1	UBND huyện Sông Mã	1.5	1	1	2.5	4.43	10.43
2	2	UBND huyện Thuận Châu	1.5	1	1	2.5	4.17	10.17
3	3	UBND huyện Mộc Châu	1.5	1	1	2.5	4.13	10.13
4	4	UBND thành phố Sơn La	1.5	1	1	2.5	4.13	10.13
5	4	UBND huyện Yên Châu	1.5	1	1	2.5	4.12	10.12
6	6	UBND huyện Sốp Cộp	1.5	1	1	2.5	4.05	10.05
7	7	UBND huyện Bắc Yên	1.5	1	1	2.5	4.04	10.04
8	8	UBND huyện Phù Yên	1.5	1	1	2.5	4.02	10.02
9	8	UBND huyện Mai Sơn	1.5	1	1	2.5	3.99	9.99
10	10	UBND huyện Mường La	1.5	1	1	2.5	3.99	9.99
11	11	UBND huyện Quỳnh Nhai	1.5	1	1	2.5	3.99	9.99
12	12	UBND huyện Vân Hồ	1.5	1	1	2.5	3.94	9.94



UBND TỈNH SON LA

Biểu số 06

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LĨNH VỰC CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA CÁC SỞ, NGÀNH NĂM 2022

STT	Xếp hạng	Tên đơn vị	Mức độ hoàn thành Kế hoạch kiểm soát TTHC (1 điểm)	Cập nhật, công bố, công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ (4 điểm)	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông (7.5 điểm)	Tiếp nhận, xử lý PAKN của cá nhân, TC đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết (1 điểm)	Tổ chức đối thoại với cá nhân, tổ chức về TTHC, giải quyết TTHC (1 điểm)	Tổng điểm (14.5 điểm)
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	1	Ban dân tộc tỉnh	1	4	7.5	1	1	14.5
2	1	Ban quản lý khu công nghiệp	1	4	7.5	1	1	14.5
3	1	Sở Giáo dục và Đào tạo	1	4	7.5	1	1	14.5
4	1	Sở Giao thông vận tải	1	4	7.5	1	1	14.5
5	1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1	4	7.5	1	1	14.5
6	1	Sở Ngoại vụ	1	4	7.5	1	1	14.5
7	1	Sở Nội vụ	1	4	7.5	1	1	14.5
8	1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	4	7.5	1	1	14.5
9	1	Sở Tư pháp	1	4	7.5	1	1	14.5
10	1	Sở Văn hóa thể thao và Du lịch	1	4	7.5	1	1	14.5
11	1	Sở Xây dựng	1	4	7.5	1	1	14.5
12	1	Thanh tra tỉnh	1	4	7.5	1	1	14.5
13	1	Văn phòng UBND tỉnh	1	4	7.5	1	1	14.5
14	1	Sở Tài nguyên và Môi trường	1	4	7.46	1	1	14.5
15	1	Sở Khoa học và Công nghệ	1	3.5	7.5	1	1	14
16	16	Sở Công thương	1	3	7.5	1	1	13.5
17	17	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	1	3	7.5	1	1	13.5
18	18	Sở Tài chính	1	4	6.5	1	1	13.5
19	19	Sở Thông tin và Truyền thông	1	3	7.5	1	1	13.5
20	20	Sở Y tế	1	3	7.5	1	1	13.5



UBND TỈNH SƠN LA

Biểu số 06a

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LĨNH VỰC CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM 2022

STT	Xếp hạng	Tên đơn vị	Mức độ hoàn thành Kế hoạch kiểm soát TTHC (1 điểm)	Công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ (2 điểm)	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông (4.5 điểm)	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC 6 điểm)	Tiếp nhận, xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC (1 điểm)	Tổ chức đối thoại với cá nhân, tổ chức về TTHC, giải quyết TTHC (1 điểm)	Tổng điểm (15,5 điểm)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	1	UBND huyện Mai Sơn	1	2	4.5	6	1	1	15.5
2	1	UBND huyện Mộc Châu	1	2	4.5	6	1	1	15.5
3	1	UBND huyện Sông Mã	1	2	4.5	6	1	1	15.5
4	1	UBND thành phố Sơn La	1	2	4.5	5.8	1	1	15.3
5	1	UBND huyện Yên Châu	1	1.5	4.5	6	1	1	15
6	6	UBND huyện Vân Hồ	1	2	4.5	4.81	1	1	14.31
7	7	UBND huyện Sốp Cộp	1	2	3.5	5.4	1	1	13.9
8	8	UBND huyện Mường La	1	1.5	3.5	4.73	1	1	12.73
9	8	UBND huyện Quỳnh Nhai	1	2	3.5	4	1	1	12.5
10	8	UBND huyện Thuận Châu	1	2	3.5	4	1	1	12.5
11	11	UBND huyện Phù Yên	1	1	4	3.5	1	1	11.5
12	12	UBND huyện Bắc Yên	1	1	3.5	3.5	1	1	11



UBND TỈNH SƠN LA

Biểu số 07

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LĨNH VỰC CẢI CÁCH
TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH CỦA CÁC SỞ, NGÀNH NĂM 2022**

STT	Xếp hạng	Tên đơn vị	Thực hiện quy định của UBND tỉnh và hướng dẫn của các bộ, ngành về TCBM (1,5 điểm)	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được giao (4 điểm)	Thực hiện phân cấp quản lý (3 điểm)	Thực hiện đánh giá, xếp loại, chất lượng đối với các đơn vị (0,5đ)	Tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy hành chính (2 điểm)	Tổng điểm (11 điểm)
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	1	Ban dân tộc tỉnh	1.5	4	3	0.5	2	11
2	1	Sở Giao thông vận tải	1.5	4	3	0.5	2	11
3	1	Sở Khoa học và Công nghệ	1.5	4	3	0.5	2	11
4	4	Sở Nội vụ	1.5	4	3	0.5	2	11
5	4	Sở Tài chính	1.5	4	3	0.5	1.96	10.96
6	4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.5	4	3	0.5	1.94	10.94
7	7	Sở Tư pháp	1.5	4	3	0.5	1.94	10.94
8	8	Sở Công thương	1.5	4	3	0.5	1.91	10.91
9	9	Thanh tra tỉnh	1.5	4	3	0.5	1.9	10.9
10	10	Ban quản lý khu công nghiệp	1.5	4	3	0.5	1.89	10.89
11	11	Sở Văn hóa thể thao và Du lịch	1.5	4	3	0.5	1.89	10.89
12	12	Sở Thông tin và Truyền thông	1.5	4	3	0.5	1.86	10.86
13	13	Văn phòng UBND tỉnh Sơn La	1.5	4	3	0.5	1.84	10.84
14	14	Sở Y tế	1.5	4	3	0.5	1.83	10.83
15	15	Sở Tài nguyên và Môi trường	1.5	4	3	0.5	1.81	10.81
16	16	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	1.5	4	3	0.5	1.76	10.76
17	17	Sở Xây dựng	1.5	4	3	0.5	1.74	10.74
18	18	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1.5	4	3	0.5	1.69	10.69
19	19	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.5	4	3	0	1.99	10.49
20	20	Sở Ngoại vụ	1.5	4	3	0	1.88	10.38



UBND TỈNH SƠN LA

Biểu số 07a

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LĨNH VỰC CẢI CÁCH
TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM 2022**

STT	Xếp hạng	Tên đơn vị	Thực hiện quy định của UBND tỉnh và hướng dẫn của các bộ, ngành về TCBM (1,5 điểm)	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được giao (3 điểm)	Thực hiện phân cấp quản lý (2 điểm)	Thực hiện đánh giá xếp loại các đơn vị thuộc quyền QL (0,5 điểm)	Tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy hành chính (2 điểm)	Tổng điểm 9 điểm)
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	1	UBND huyện Sông Mã	1.5	3	2	0.5	1.94	8.94
2	2	UBND huyện Mộc Châu	1.5	3	2	0.5	1.9	8.9
3	3	UBND huyện Vân Hồ	1.5	3	2	0.5	1.9	8.9
4	4	UBND thành phố Sơn La	1.5	3	2	0.5	1.85	8.85
5	5	UBND huyện Bắc Yên	1.5	3	2	0.5	1.83	8.83
6	6	UBND huyện Phù Yên	1.5	3	2	0.5	1.83	8.83
7	7	UBND huyện Mai Sơn	1.5	3	2	0.5	1.82	8.82
8	8	UBND huyện Sốp Cộp	1.5	3	2	0.5	1.82	8.82
9	9	UBND huyện Yên Châu	1.5	3	2	0.5	1.82	8.82
10	10	UBND huyện Quỳnh Nhai	1.5	3	2	0.5	1.8	8.8
11	11	UBND huyện Mường La	1.5	3	2	0.5	1.77	8.77
12	12	UBND huyện Thuận Châu	1.5	3	2	0	1.91	8.41

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LĨNH VỰC CẢI CÁCH CÔNG VỤ CỦA CÁC SỞ, NGÀNH NĂM 2022

STT	Xếp hạng	Tên đơn vị	TH cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm (1 điểm)	Tuyển dụng viên chức tại các ĐVSN công lập trực thuộc (1 điểm)	Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các CQHC (1 điểm)	Đánh giá, phân loại CCVC (2,5 điểm)	Mức độ thực hiện chính sách tinh giản biên chế trong năm đánh giá (1 điểm)	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC (1 điểm)	Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với CCVC (1 điểm)	Tác động của cải cách đến quản lý CBCC (2 điểm)	Tác động của cải cách đến chất lượng đội ngũ CCVC (3 điểm)	Tổng điểm (13.5 điểm)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	1	Sở Nội vụ	1	1	1	2.5	1	1	1	1.96	2.88	13.34
2	2	Sở Tài chính	1	1	1	2.5	1	1	1	1.94	2.87	13.31
3	3	Sở Tư pháp	1	1	1	2.5	1	1	1	1.93	2.84	13.27
4	4	Ban dân tộc tỉnh	1	1	1	2.5	1	1	1	1.93	2.82	13.25
5	5	Sở Giao thông vận tải	1	1	1	2.5	1	1	1	1.93	2.82	13.25
6	5	Sở Công thương	1	1	1	2.5	1	1	1	1.94	2.8	13.24
7	7	Sở Tài nguyên và Môi trường	1	1	1	2.5	1	1	1	1.9	2.77	13.17
8	7	Sở Thông tin và Truyền thông	1	1	1	2	1	1	1	1.95	2.83	12.78
9	7	Sở Ngoại vụ	1	1	1	2.5	1	1	0.5	1.94	2.83	12.77
10	10	Sở Xây dựng	1	1	1	2.5	1	1	0.5	1.94	2.83	12.77
11	10	Thanh tra tỉnh	1	1	1	2.5	1	1	0.5	1.94	2.81	12.75
12	12	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1	1	1	2.5	1	1	0.5	1.93	2.8	12.73
13	13	Sở Văn hóa thể thao và Du lịch	1	1	1	2	1	1	1	1.91	2.79	12.7
14	14	Sở Khoa học và Công nghệ	1	1	1	1.5	1	1	1	1.94	2.83	12.27
15	15	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	1	1	1.5	1	1	1	1.92	2.81	12.23
16	16	Văn phòng UBND tỉnh	1	1	1	2	1	1	0.5	1.92	2.79	12.21
17	17	Ban quản lý khu công nghiệp	1	1	1	1.5	1	1	0.5	1.93	2.76	11.69
18	18	Sở Giáo dục và Đào tạo	1	1	1	1.5	1	1	0.5	1.88	2.78	11.66
19	19	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1	1	0	1.5	1	1	0.5	1.89	2.77	10.66
20	20	Sở Y tế	1	1	0	1	0	0.75	0.5	1.92	2.81	8.98



BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LĨNH VỰC CẢI CÁCH CÔNG VỤ CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM 2022

STT	Xếp hạng	Tên đơn vị	Thực hiện cơ cấu CCVC theo vị trí việc làm (0.5 điểm)	Tuyển dụng viên chức; công chức cấp xã (1 điểm)	Thực hiện quy định về bổ nhiệm lãnh đạo tại các CQHC (1 điểm)	Đánh giá, phân loại CCVC (2 điểm)	Mức độ thực hiện chính sách TGBC trong năm đánh giá (0.5 điểm)	Mức độ hoàn thành KH ĐTBĐ CBCCVC (1 điểm)	Cán bộ, công chức cấp xã (1 điểm)	Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với CCVC (1 điểm)	Tác động của cải cách đến quản lý CBCC (2 điểm)	Tác động của cải cách đến chất lượng đội ngũ CCVC (3 điểm)	Tổng điểm (13 điểm)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		11	12	13
1	1	UBND huyện Mộc Châu	0.5	1	1	2	0.5	1	1	1	1.89	2.67	12.56
2	2	UBND huyện Thuận Châu	0.5	1	1	2	0.5	1	1	1	1.83	2.64	12.47
3	3	UBND thành phố Sơn La	0.5	1	1	2	0.5	1	1	1	1.83	2.63	12.46
4	4	UBND huyện Sông Mã	0.5	1	1	1.75	0.5	1	1	1	1.9	2.67	12.32
5	5	UBND huyện Mường La	0.5	1	1	1.25	0.5	1	1	1	1.78	2.56	11.59
6	6	UBND huyện Phù Yên	0.5	1	1	1	0.5	1	1	1	1.78	2.62	11.4
7	7	UBND huyện Mai Sơn	0.5	1	1	1	0.5	1	1	1	1.8	2.57	11.37
8	8	UBND huyện Yên Châu	0.5	1	0.5	1.25	0.5	1	1	1	1.79	2.62	11.16
9	9	UBND huyện Quỳnh Nhai	0.5	1	1	1.25	0	1	1	1	1.78	2.59	11.12
10	10	UBND huyện Bắc Yên	0.5	1	1	1.25	0.5	1	1	0.5	1.76	2.58	11.09
11	11	UBND huyện Sốp Cộp	0.5	1	1	1.25	0.5	1	1	0.5	1.76	2.58	11.09
12	12	UBND huyện Vân Hồ	0.5	1	0	2	0.5	1	1	0.5	1.85	2.63	10.98

J



BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LĨNH VỰC CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG CỦA CÁC SỞ, NGÀNH NĂM 2022

STT	Xếp hạng	Tên đơn vị	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí QLHC (1 điểm)	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN (1 điểm)	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về TC, NS (2 điểm)	Việc thực hiện định mức sử dụng tài sản công (1 điểm)	Thực hiện tiết kiệm kinh phí hành chính, tăng thu nhập trong cơ quan (1 điểm)	Thực hiện công khai tài chính (1 điểm)	Tác động của cải cách đến quản lý tài chính công (3 điểm)	Tổng điểm (10 điểm)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	1	Sở Giao thông vận tải	1	1	2	1	1	1	2.87	9.87
2	2	Sở Xây dựng	1	1	2	1	1	1	2.87	9.87
3	3	Ban dân tộc tỉnh	1	1	2	1	1	1	2.86	9.86
4	3	Sở Ngoại vụ	1	1	2	1	1	1	2.85	9.85
5	5	Sở Tài chính	1	0.92	2	1	1	1	2.9	9.82
6	6	Sở Văn hóa thể thao và Du lịch	1	1	2	1	1	1	2.81	9.81
7	7	Thanh tra tỉnh	1	1	2	1	1	1	2.8	9.8
8	7	Văn phòng UBND tỉnh Sơn La	1	1	2	1	1	1	2.72	9.72
9	9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	0.86	2	1	1	1	2.81	9.67
10	10	Ban quản lý khu công nghiệp	1	0.85	2	1	1	1	2.8	9.65
11	11	Sở Nội vụ	1	1	2	1	0	1	2.92	8.92
12	12	Sở Khoa học và Công nghệ	1	1	1	1	1	1	2.86	8.86
13	13	Sở Thông tin và Truyền thông	1	1	1	1	1	1	2.77	8.77
14	14	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1	0.98	1	1	1	1	2.7	8.68
15	15	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	1	1	1	1	1	1	2.6	8.6
16	16	Sở Công thương	1	0.63	1	1	1	1	2.84	8.47
17	17	Sở Giáo dục và Đào tạo	1	0.55	1	1	1	1	2.82	8.37
18	18	Sở Tư pháp	1	0	2	1	0	1	2.88	7.88
19	19	Sở Tài nguyên và Môi trường	1	0.02	1	1	1	1	2.78	7.8
20	20	Sở Y tế	1	0.16	1	1	1	0	2.78	6.94



**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LĨNH VỰC CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG
CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM 2022**

STT	Xếp hạng	Tên đơn vị	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí QLHC (1 điểm)	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN (2 điểm)	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về TC, NS (1 điểm)	Việc thực hiện định mức sử dụng tài sản công (0.5 điểm)	Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý Tài sản công (0.5 điểm)	Thực hiện tiết kiệm kinh phí hành chính, tăng thu nhập trong cơ quan (1 điểm)	Thực hiện công khai tài chính (0.5 điểm)	Tác động của cải cách đến quản lý tài chính công (3 điểm)	Tổng điểm (9.5 điểm)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	1	UBND huyện Sông Mã	1	1.98	1	0.5	0.5	1	0.5	2.76	9.24
2	2	UBND thành phố Sơn La	1	2	1	0.5	0.5	1	0.5	2.65	9.15
3	3	UBND huyện Phù Yên	1	1.78	1	0.5	0.5	1	0.5	2.66	8.94
4	4	UBND huyện Yên Châu	1	1.62	1	0.5	0.5	1	0.5	2.65	8.77
5	5	UBND huyện Mộc Châu	1	1.43	1	0.5	0.5	1	0.5	2.74	8.67
6	6	UBND huyện Quỳnh Nhai	1	1.52	1	0.5	0.5	1	0.5	2.62	8.64
8	7	UBND huyện Bắc Yên	1	1.48	1	0.5	0.5	1	0.5	2.62	8.6
7	8	UBND huyện Sốp Cộp	1	1.44	1	0.5	0.5	1	0.5	2.63	8.57
9	9	UBND huyện Vân Hồ	1	1.42	1	0.5	0.5	1	0.5	2.59	8.51
10	10	UBND huyện Mai Sơn	1	1.55	1	0.5	0.5	0.5	0.5	2.65	8.2
11	11	UBND huyện Mường La	1	1.56	0.5	0.5	0.5	1	0.5	2.59	8.15
12	12	UBND huyện Thuận Châu	1	0	1	0.5	0.5	1	0.5	2.7	7.2



UBND. TỈNH SƠN LA

Biểu số 10

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LĨNH VỰC XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ CỦA CỬA CÁC SỞ, NGÀNH NĂM 2022

STT	Xếp hạng	Tên đơn vị	Ứng dụng công nghệ thông tin (4 điểm)	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (6 điểm)	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI (1,5 điểm)	Trang thông tin điện tử (2 điểm)	Tác động của cải cách đến hiện đại hóa hành chính (3 điểm)	Tổng điểm (16.5 điểm)
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	1	Sở Nội vụ	3.95	6	1	2	2.86	15.81
2	2	Sở Giao thông vận tải	3.98	6	1.5	1.5	2.79	15.77
3	2	Văn phòng UBND tỉnh Sơn La	3.49	6	1.5	2	2.76	15.75
4	4	Sở Tư pháp	3.85	5.5	1.5	2	2.79	15.64
5	5	Ban dân tộc tỉnh	3.88	5.5	1.25	2	2.77	15.4
6	6	Sở Thông tin và Truyền thông	3.95	5.5	1	2	2.79	15.24
7	7	Sở Công thương	3.96	5.5	1.5	1.5	2.76	15.22
8	8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3.9	5.5	1.5	1.5	2.77	15.17
9	9	Sở Khoa học và Công nghệ	4	5.5	0.75	2	2.77	15.02
10	10	Ban quản lý khu công nghiệp	3.49	6	1	1.5	2.73	14.72
11	11	Sở Tài chính	2	6	1.5	2	2.83	14.33
12	12	Sở Giáo dục và Đào tạo	3.89	4.5	1	2	2.78	14.17
13	13	Sở Tài nguyên và Môi trường	3.8	4.75	0.75	2	2.73	14.03
14	14	Thanh tra tỉnh	2	6	1.5	1.5	2.77	13.77
15	15	Sở Văn hóa thể thao và Du lịch	3.47	4	1	2	2.75	13.22
16	16	Sở Y tế	3.92	3.04	1.5	2	2.75	13.21
17	17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	3.81	4.14	0.5	2	2.72	13.17
18	18	Sở Xây dựng	3.92	4	0.5	1.5	2.76	12.68
19	19	Sở Ngoại vụ	2.31	6	0	1.5	2.73	12.54
20	20	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	3.34	0	0.75	1.5	2.68	8.27



UBND TỈNH SƠN LA

Biểu số 10a

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LĨNH VỰC XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ,
CHÍNH QUYỀN SỐ CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM 2022**

STT		Tên đơn vị	Ứng dụng công nghệ thông tin (5 điểm)	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (4.5 điểm)	Thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI (1.5 điểm)	Trang TTĐT của các cơ quan, đơn vị (2 điểm)	Tác động của cải cách đến hiện đại hóa hành chính (4 điểm)	Tổng điểm (17.5 điểm)
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	1	UBND huyện Sông Mã	3.96	4.5	1.5	2	2.56	14.52
2	2	UBND huyện Mộc Châu	4.87	3.58	1.25	2	2.6	14.3
3	3	UBND thành phố Sơn La	4.9	3.92	0.75	2	2.57	14.14
4	4	UBND huyện Mai Sơn	4.84	4	1.25	1.5	2.51	14.1
5	5	UBND huyện Yên Châu	5	2.94	1.5	2	2.51	13.95
6	6	UBND huyện Sốp Cộp	3.94	4.04	0.75	1.5	2.46	12.69
7	7	UBND huyện Mường La	3.95	2.64	1	2	2.45	12.04
8	8	UBND huyện Vân Hồ	4.46	1.5	1	2	2.45	11.41
9	9	UBND huyện Bắc Yên	3.82	1.5	1.5	2	2.47	11.29
10	10	UBND huyện Thuận Châu	3.91	2.49	0.75	1.5	2.51	11.16
11	11	UBND huyện Quỳnh Nhai	3	3.12	0	2	2.47	10.59
12	12	UBND huyện Phù Yên	2	1.79	1	2	2.49	9.28



Biểu số 11

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ TÁC ĐỘNG CỦA CCHC
ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC NĂM 2022**

STT	Xếp hạng	Tên đơn vị	Kết quả khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh (10 điểm)	Tổng điểm (10 điểm)
1	2	3	4	5
1	1	Ban Dân tộc tỉnh	10	10
2	1	Ban Quản lý các khu công nghiệp	10	10
3	3	Sở Xây dựng	9.99	9.99
4	4	Sở Thông tin và Truyền thông	9.97	9.97
5	5	Sở Giao thông vận tải	9.92	9.92
6	6	Sở Giáo dục và Đào tạo	9.83	9.83
7	7	Sở Công thương	9.77	9.77
8	8	Sở Nội vụ	9.76	9.76
9	9	Sở Tư pháp	9.53	9.53
10	10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	9.52	9.52
11	11	Sở Tài chính	9.52	9.52
12	12	Sở Tài nguyên và Môi trường	9.51	9.51
13	13	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	9.51	9.51
14	14	Sở Y tế	9.49	9.49
15	15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	9.45	9.45
16	16	Văn phòng UBND tỉnh Sơn La	9.34	9.34
17	17	Thanh tra tỉnh	9.2	9.2
18	18	Sở Khoa học và Công nghệ	9.17	9.17
19	19	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	9.15	9.15
20	20	Sở Ngoại vụ	9.04	9.04



UBND TỈNH SƠN LA

Biểu số 11a

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LĨNH VỰC TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN KT-XH CỦA HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM 2022

STT	Xếp hạng	Tên đơn vị	Kết quả khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan HCNN trên địa bàn huyện, thành phố (10 điểm)	Tác động của CCHC đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (5 điểm)	Tổng điểm (15 điểm)
1	2	3	4	5	6
1	1	UBND huyện Sông Mã	9.99	5	14.99
2	2	UBND huyện Yên Châu	9.73	5	14.73
3	3	UBND huyện Mường La	9.54	5	14.54
4	4	UBND huyện Mộc Châu	9.78	4.5	14.28
5	5	UBND huyện Thuận Châu	9.72	4.5	14.22
6	6	UBND thành phố Sơn La	9.19	5	14.19
7	7	UBND huyện Mai Sơn	9.78	4.3	14.08
8	8	UBND huyện Phù Yên	9.57	4.5	14.07
9	9	UBND huyện Sốp Cộp	9.85	4	13.85
10	10	UBND huyện Bắc Yên	9.32	4.5	13.82
11	11	UBND huyện Quỳnh Nhai	9.17	4.5	13.67
12	12	UBND huyện Vân Hồ	9.95	3.5	13.45